

ĐỊNH HÌNH PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY CÁC MÔN VÕ THUẬT TRONG TRƯỜNG CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC DỰA THÔNG QUA ỨNG DỤNG CÁC DẠNG PHƯƠNG TIỆN CNHĐ

Phan Nguyên Cầu

Khoa Huấn luyện thể thao Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Tóm tắt: Các phương tiện dạy học khoa học công nghệ hiện đại dần thâm nhập vào mọi lĩnh vực giáo dục và giảng dạy, giúp nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục. Trong thời đại hiện nay, chúng ta nên làm tốt việc tích hợp công nghệ hiện đại vào giảng dạy giáo dục, chuyển đổi thói quen giảng dạy truyền thống, tập trung vào các giá trị cốt lõi của giảng dạy và thực hiện chuyển đổi từ dạy, học phù hợp với bối cảnh số hóa. Phát triển giáo dục theo phương tiện dạy học khoa học công nghệ hiện đại là sử dụng công nghệ mới để thúc đẩy đào tạo nhân tài, để giáo dục và phương pháp giảng dạy truyền thống được thay đổi để hình thành một hình thức giáo dục mới như học tập thông minh, học tập tương tác và học tập sâu.

Từ khóa: Phương pháp giảng dạy, võ thuật, dựa trên trường học, giảng dạy, ứng dụng công nghệ.

SHAPING TEACHING METHODS FOR VT SUBJECTS IN COLLEGES AND UNIVERSITIES BASED ON THE APPLICATION OF MODERN MEDIA

Phan Nguyen Cau

Faculty of Sports Training, University of Sports and Physical Education, Da Nang

Abstract: Modern science and technology teaching aids gradually penetrate into all fields of education and teaching, helping to enhance the effectiveness of educational activities. In the current era, we should do a good job of integrating modern technology into educational teaching, transforming traditional teaching habits, focusing on the core values of teaching, and realizing the transformation from teaching to learning in the context of digitalization. The development of education in the way of modern science and technology teaching aids refers to the use of new technology to promote talent training, so that education and traditional teaching methods are changed to form a new form of education such as intelligent learning, interactive learning and deep learning.

Keywords: Teaching methods, martial arts, school-based, teaching, technology application.

Nhận bài: 12/04/2025

Phản biện: 11/05/2025

Duyệt đăng: 15/05/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự toàn cầu hóa ngày càng sâu sắc khiến văn hóa nước ngoài thâm nhập và tác động đến văn hóa dân tộc truyền thống và dẫn đến những tác động sâu sắc đến tư tưởng học tập của sinh viên (SV) tại Việt Nam. Các môn VT nói chung không chỉ có thể tăng cường sức mạnh cơ thể và rèn luyện ý chí. Thể lực tốt là cơ sở và điều kiện tiên quyết cho các hoạt động khác của SV [1, 2, 3]. Tuy nhiên, chất lượng thể chất chung của SV đang suy giảm và các bệnh phổ biến như béo phì và cận thị đang ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần của SV.

Tuy nhiên, ở giai đoạn hiện nay, việc giảng dạy VT còn tồn tại nhiều hạn chế. Mặc dù một số giảng viên (GV) VT có trình độ kỹ năng và trình độ lý thuyết cao, nhưng họ không có khả năng giải thích và không thể diễn đạt sự hiểu biết của mình về VT một cách rõ ràng và thấu đáo để SV tiếp thu. Ngoài ra, các GV VT hiện nay cũng thiếu khả năng xử lý các mối quan hệ với SV. Thiếu mối quan hệ tương tác chặt chẽ giữa GV và SV. Phương thức giảng dạy không thể thể hiện đầy đủ

nội hàm và sức hấp dẫn của VT, không thể bắt đầu các hoạt động giảng dạy theo năng lực học tập của SV, không thể phát huy hiệu quả tính chủ động chủ quan của SV, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả học tập của SV và cản trở việc kích thích tiềm năng bên trong của SV. Các phương pháp giảng dạy nói chung khá lạc hậu và cũ kỹ, khiến SV dần mất đi sự nhiệt tình và sáng tạo trong việc học VT. Đồng thời, điều này cũng không có lợi cho sự phát triển toàn diện, cũng hạn chế khả năng đổi mới phương pháp, nội dung giảng dạy VT tại trường đại học.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên các kết quả nghiên cứu mới nhất trong và ngoài nước, bài báo tập trung vào các căn cứ lý thuyết cho việc tiến hành áp dụng các phương pháp giảng dạy sử dụng công nghệ hiện đại (CNHĐ) mạng và thông tin hiện đại vào hỗ trợ giảng dạy các môn VT. Điều chỉnh các phương pháp giảng dạy truyền thống dần chuyển sang hướng giảng dạy thực tiễn hơn, hiệu quả hơn. Giải

pháp áp dụng CNHĐ này là giải pháp hướng tới tương lai cho vấn đề mà GD truyền thống, gồm đào tạo và GD bằng CNHĐ, giảng dạy trực tuyến nhằm đạt được GD tính tự chủ cho SV và tăng hiệu quả học tập để đáp ứng nhu cầu cá nhân về sức khỏe, thể chất, kỹ năng hiện tại và tương lai.

2.2. Ý tưởng giáo dục

2.2.1. Tổng thể

Việc giảng dạy VT đại học được hỗ trợ bởi phương tiện giảng dạy ứng dụng khoa học CNHĐ là một dự án cần phải có tính hệ thống với CNHĐ là người đi đầu và hệ thống là sự hỗ trợ, chúng ta cần đạt được các mục tiêu sau trong việc xây dựng hệ thống: 1) Xây dựng cơ sở dữ liệu chung về SV; 2) Cung cấp cho SV một nền tảng học tập độc lập; 3) Khai thác dữ liệu để thúc đẩy việc tự học của SV; 4) Cung cấp cho GV cơ sở để chuẩn bị các kế hoạch giảng dạy; 5) Xây dựng hệ thống đánh giá toàn diện.

Các bước triển khai tổng thể có thể được chia thành các bước sau: 1) Nghiên cứu hệ thống; 2) Thiết kế chung và phân chia các giai đoạn triển khai chương trình; 3) Thu thập dữ liệu và phân tích mô hình; 4) So sánh và xác thực dữ liệu; 5) Điều chỉnh mô hình; 6) Thực hành kế hoạch.

2.2.2. Thiết kế và triển khai thu thập dữ liệu thông tin về hành vi học tập

Hệ thống nền tảng đào tạo đám mây và thu thập dữ liệu không chỉ là nền tảng để SV thực hiện học tập độc lập, tìm kiếm dữ liệu, tư vấn trực tuyến, đánh giá doanh nghiệp và các hoạt động học tập và giao tiếp mạng khác mà còn là nền tảng quan trọng để thu thập dữ liệu về hành vi học tập của SV.

2.2.3. Thiết kế và thực hiện phân tích hệ thống có tính thông minh

Hệ thống phân tích dữ liệu là linh hồn của quản lý đào tạo được hỗ trợ bằng các loại phương tiện giảng dạy ứng dụng khoa học CNHĐ. Dựa trên các nhu cầu phân tích dữ liệu đa dạng, các phương tiện kỹ thuật khác nhau được sử dụng để hiện thực hóa việc xây dựng hệ thống cho các nhu cầu khác nhau. Toàn bộ hệ thống vẫn dựa trên kiến trúc mô hình B/S (trình duyệt/máy chủ), với phát triển CNHĐ PHP cho giao diện người dùng, SQL server cho cơ sở dữ liệu, CentOS+Apache cho máy chủ ứng dụng và mô hình phát triển hệ thống 4 lớp.

2.2.4. Thực hiện đánh giá hiệu quả học tập dựa

trên mô hình thuật toán đánh giá hiệu quả học tập toàn diện

Mọi thứ trên thế gian này luôn có nhiều mối liên hệ nhân quả khác nhau. Đối với việc kiểm tra hiệu quả học tập của SV, mức độ tốt hay xấu của nó sẽ bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khác nhau và tạo ra các mối liên hệ tất yếu với kết quả. Thêm vào đó, hiệu quả học tập của SV cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi độ tuổi, giới tính, nghề nghiệp, quan điểm chính trị, thời gian học, thời gian trung bình sử dụng các phương tiện CNHĐ, số lượng truy vấn dữ liệu,... những điều này sẽ tạo ra các kết quả khác nhau. Như vậy, có thể thiết lập một mô hình toán học với các dạng từ khóa như “qua” hoặc “trượt” làm giá trị hàm và mỗi yếu tố ảnh hưởng làm biến như sau: $Y = \beta_0 + \sum_{n=1}^p \beta_n X_n$. Đối với tất cả thông tin thu thập dữ liệu về hành vi học tập cá nhân của người tham gia, mô hình hệ thống đánh giá toàn diện hiệu quả học tập có thể được thể hiện như sau: $y = \beta_0 + X_\beta$. Vì x là biến xác định, cần phải phân tích định tính x , xác định lựa chọn biến, sau đó thực hiện biểu thức định lượng. Đối với biểu thức định lượng của hiệu ứng đào tạo, trên cơ sở phương trình hồi quy bội ở trên, xác suất của hiệu ứng đào tạo được đo nếu xác suất được coi là P , giá trị của một để đáp ứng $0 \leq P \leq 1$; Khi P gần $=0$ hoặc 1 , sự thay đổi nhỏ trong giá trị của P rất khó tìm và xử lý tốt bằng các phương pháp thông thường; và như một phương tiện nghiên cứu định tính, hệ thống mượn hồi quy logistic để chuyển đổi ước tính xác suất, như thể hiện trong phương trình: $f(y) = \frac{e^y}{1+e^y}$. Ta thay giá trị y đã nói ở trên vào phương trình; ta có thể đạt được biểu thức xác suất cần thiết; khi giá trị $f(y) < 0.5$ được gọi là đánh giá toàn diện về đào tạo không thành công, và ngược lại đối với đào tạo đủ điều kiện; Hiệu quả đào tạo của nó cũng dựa trên $f(y)$ tức là giá trị P từ $0 \rightarrow 0.99$, tức là hoàn toàn không phù hợp để xếp loại xuất sắc.

Dựa trên mô hình tuyến tính đa biến của phương trình, chìa khóa để đánh giá toàn diện hiệu quả đào tạo nằm ở việc giải giá trị y và việc lựa chọn các biến định tính X trở thành điều kiện tiên quyết để thiết lập mô hình.

Để lựa chọn các yếu tố ảnh hưởng đến mô hình, hệ thống sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính bội để phân tích sàng lọc các yếu tố có liên quan. Các biến giải thích $X_1, X_2, \dots, X_P$ được yêu cầu $rk(X) = P+1 < n$. $rk(X) = P+1 < n$ ở đây, chỉ ra rằng các

cột của các biến độc lập trong ma trận thiết kế X không tương quan với nhau, tổng số kích thước mẫu, tức là, $E(e_i)=0, 1, 2, \dots, n$, tức là các quan sát được cho là không có lỗi hệ thống. Hiệp phương sai e_i được cho là chỉ ra rằng các điều khoản lỗi ngẫu nhiên không tương quan trên các điểm mẫu, theo chuỗi và cùng độ chính xác.

Dựa trên phân tích trên, đánh giá toàn diện về hiệu quả đào tạo cá nhân dựa trên ba khía cạnh chính, cụ thể là đặc điểm cá nhân, chỉ số công việc và chỉ số hành vi học tập, như tuổi, giới tính, trình độ học vấn hiện tại và tình trạng sức khỏe; và các chỉ số hành vi học tập bao gồm thời gian học, số lượng truy vấn dữ liệu và sự tham gia vào các cuộc thảo luận trực tuyến. Việc hoàn thành biểu thức định lượng thông qua so sánh lặp lại và mô hình hóa môi trường kỹ thuật số và các đặc điểm cá nhân được xác định riêng cho mỗi loại đối tượng SV, các yếu cầu GD hiện tại như: Tiêu chuẩn “qua” hoặc “đạt”.

Xác định hệ số trọng số tương quan của mô hình như sau: đối với việc xác định hệ số tương quan $\beta_0, \beta_1, \dots, \beta_n$ ảnh hưởng đến mô hình đánh giá của hệ thống đánh giá hiệu quả đào tạo toàn diện cho SV thông qua ước lượng bình phương tối thiểu, đối với mô hình hồi quy $y=X_\beta$, mô hình thuật toán là giá trị ước lượng của tham số $\beta_0, \beta_1, \dots, \beta_n$, do đó tổng các độ lệch bình phương là tối thiểu, thỏa mãn.

Ước lượng bình phương nhỏ nhất của tham số hồi quy của mô hình đánh giá hiệu quả học tập toàn diện là hệ số trọng số tương quan được xác định bởi mô hình, được bắt nguồn từ phương trình trên $\beta_0, \beta_1, \dots, \beta_n$.

2.3. Dự kiến thực hiện

1) Thiết lập tiêu chí đánh giá toàn diện dựa trên phân tích mẫu lớn: Dựa trên việc thu thập và phân tích dữ liệu về hành vi học tập của SV, kết hợp với đặc điểm cá nhân của các giai đoạn sự nghiệp khác nhau, một mô hình dự đoán được thiết lập trên cơ sở phân tích mẫu lớn về các yếu tố có liên quan ảnh hưởng đến hiệu quả học tập và thông qua đánh giá toàn diện về kết quả học tập theo từng giai đoạn, cùng một giai đoạn có thể được sử dụng để hướng dẫn thêm cho việc thực hành học tập hiệu quả.

2) Hướng đến giảng dạy theo nhu cầu: Trong một thời gian dài, mâu thuẫn giữa dạy-học thường là trọng tâm của GD nghề nghiệp và sự mất kết

nối giữa dạy-học thường là do thiếu tính cụ thể trong giảng dạy, dẫn đến “học tập” trở thành hình thức.

2.4. Nghiên cứu tình huống

Theo khái niệm “internet + thể thao”, chương trình giảng dạy VT của trường đã được phát triển thành mô hình giảng dạy trực tuyến và ngoại tuyến kết hợp. SV sử dụng các bài học nhỏ, loạt sơ đồ, trình diễn, PPT và các tài nguyên giảng dạy khác của kế hoạch học, tập kết hợp chất lượng cao, đồng thời sử dụng AR thực tế và thú vị để thực hành, đáp ứng rất tốt nhu cầu của SV học VT trong thời đại internet +.

1) Phân tích tình hình học tập: SV hiện nay thiếu hụt về kỹ năng cơ bản và thể lực. Trong thời gian học hạn hẹp, hiệu quả giảng dạy truyền thống không lý tưởng.

2) Các chiến lược giảng dạy: Lớp dạng lớp học thông minh cần được áp dụng kết hợp với các nhiệm vụ cụ thể, sử dụng phương pháp tích cực như thảo luận trên lớp học, động não, làm bài tập về nhà, tải lên hình ảnh hành động (hoặc video), đánh giá và xem xét lẫn nhau,...

3) Thực hiện quá trình giảng dạy: Chia làm ba phần, trước khi vào lớp: SV được thông báo trong nhóm zalo để đăng nhập, học trước bài học nhỏ về cách dạy kỹ thuật cơ bản và hoàn thành bài tập động não trong các nguồn dữ liệu học tập.

Trong giờ học: được chia thành hai buổi học:

1) Lý thuyết văn hóa của VT; 2) Kỹ năng thực hành kỹ thuật chuyên môn.

Sau giờ học: SV sử dụng tài liệu ảnh chụp để ôn tập, tham gia huấn luyện câu lạc bộ VT, nộp bài tập thực hành VT cơ bản trực tuyến trong vòng một tuần sau khi thành thạo các động tác và đánh giá lẫn nhau.

4) Hiệu quả giảng dạy: Nguồn tài nguyên và phương tiện giảng dạy đa chiều dựa trên thông tin có hiệu quả kích thích sự quan tâm của SV đối với việc luyện tập VT.

5) Thiết kế của SV và hướng dẫn của GV: Trong thời gian này, GV tổ chức thảo luận nhóm nội bộ tích cực và hướng dẫn SV chuẩn bị kế hoạch nhiệm vụ VT, trong đó mô tả chi tiết các động tác kỹ thuật của các đòn tấn công và phòng thủ kết hợp.

6) Sự nhận thức của SV và sự điều tiết của GV: Quá trình thực hiện của SV, tức là quá trình học tập độc lập và làm việc nhóm của SV, chủ yếu

được thực hiện kết hợp giữa các buổi học trong lớp và ngoài lớp.

7) SV thực hành và GV phản hồi: Trong giai đoạn này, có thể chia thành hai bước: SV giải thích và thực hành. Trong quá trình SV giải thích, một SV được chọn làm đại diện cho nhóm và một thành viên khác trong nhóm được chọn để hợp tác và giải thích về sự kết hợp tấn công và phòng thủ của nhóm cho các SV trong lớp, để nâng cao kỹ năng nói và thành thạo các kỹ thuật VT của SV.

III. KẾT LUẬN

Việc ứng dụng thành công khái niệm GD về

sự hỗ trợ của phương tiện giảng dạy ứng dụng khoa học CNHĐ trong lĩnh vực GD kỹ thuật vận động trong và ngoài nước có ý nghĩa tham khảo tốt ở Việt Nam. Nó nên được dẫn dắt bởi hệ tư tưởng chỉ đạo hiện đại về GDTC và đối mặt với các vấn đề chính hiện đang tồn tại. Bài báo này nhằm mục đích nâng cao chất lượng giảng dạy và đào tạo VT từ ba chiều: làm rõ mục tiêu giảng dạy, đổi mới quy trình vận hành và tối ưu hóa hệ thống đánh giá. Hơn nữa, nó có thể đào tạo SV một cách hiệu quả để trở thành những tài năng đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội hiện đại và hội nhập ở Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2001), *Quy chế GDTC và y tế trường học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Văn Lắm, Vũ Đức Thu, Nguyễn Trọng Hải (2000), *Đánh giá sự phát triển thể chất của sinh viên thuộc các ngành nghề khác nhau*, Thông tin khoa học TĐTT, Viện Khoa học TĐTT, số 8/2000.
3. Nguyễn Mạnh Liên (1993), *Một vài nhận xét về sự phát triển thể lực của thanh thiếu niên Việt Nam*, Tuyển tập Nghiên cứu Khoa học Giáo dục sức khỏe, thể chất trong nhà trường các cấp, NXB TĐTT, Hà Nội.
4. Nguyễn Toán (1980), *Giáo trình TĐTT, Tài liệu giảng dạy TĐTT trong các trường đại học và trung học chuyên nghiệp*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
5. Barczynski B.J., Kalina R.M., (2015). *Science of martial arts—Example of the dilemma in classifying new interdisciplinary sciences in the global systems of the science evaluation and the social consequences of courageous decisions*. Procedia Manufacturing. 3, 1203–1210.